|  |  |
| --- | --- |
|  UBND THỊ XÃ BUÔN HỒ **PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ BUÔN HỒ** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP – CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Ngữ văn** **Năm học 2020-2021** |

 **LƯU Ý: CÁC KHỐI 6,7,8,9 TỈ LỆ CÁC CẤP ĐỘ NHẬN THỨC TƯ DUY TRONG ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 2 KHÔNG THAY ĐỔI VỚI QUY ĐỊNH BỘ MÔN.**

**A. NGỮ VĂN 6**

**I. PHẦN VĂN BẢN**:

1. Nắm vững kiến thức trọng tâm về: tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, thuộc thơ, giá trị nội dung chính và đặc sắc nghệ thuật của các văn bản sau:

**-** Bài học đường đời đầu tiên ( Tô Hoài)

- Cây tre Việt Nam ( Thép Mới)

**-** Lượm ( Tố Hữu)

2. Biết viết đoạn văn nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về nội dung liên quan đến các văn bản trên.

**II. PHẦN TIẾNG VIỆT**.

Nắm vững khái niệm, đặc điểm, công dụng, vận dụng một cách linh hoạt để làm bài tập của các bài sau:

- So sánh.

- Câu trần thuật đơn.

- Câu trần thuật đơn không có từ *là.*

**III. PHẦN TẬP LÀM VĂN.**

1. Nắm vững kiến thức về kiểu bài văn miêu tả.
2. Đối tượng miêu tả, gồm:
* Tả người: Miêu tả nhân vật Lượm theo tưởng tượng của em; Tả về một người mà em yêu quý.
* Tả cảnh: Tả cơn mưa mùa hè ở quê em.

**HẾT**

**B. NGỮ VĂN LỚP 7**

**I. PHẦN VĂN BẢN**:

1. Nắm vững kiến thức trọng tâm: tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản sau:

**-** Tục ngữ về con người và xã hội

* Đức tính giản dị của Bác Hồ.
* Sống chết mặc bay.

2. Biết viết đoạn văn nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về nội dung liên quan đến các văn bản trên.

**II. PHẦN TIẾNG VIỆT**.

Nắm vững khái niệm, đặc điểm, công dụng, vận dụng một cách linh hoạt để làm bài tập của các bài sau:

* Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.
* Câu đặc biệt.
* Liệt kê.

**III. PHẦN TẬP LÀM VĂN.**

1. Nắm vững kiến thức và đặc điểm của nghị luận chứng minh và giải thích; cách làm bài văn nghị luận chứng minh, giải thích về vấn đề môi trường, các câu tục ngữ về con người và xã hội.

1. Các bài văn nghị luận chứng minh, giải thích:

- Nghị luận về vấn đề rác thải trong trường học.

- Chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ: “Không thầy đố mày làm nên”.

- Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ: “Đói cho sạch, rách cho thơm”.

**HẾT**

**C. NGỮ VĂN LỚP 8**

**I. PHẦN VĂN BẢN:**

1. Nắm vững kiến thức trọng tâm: tác giả, tác phẩm, phương thức biểu đạt, nội dung và nghệ thuật của các văn bản sau:

- Quê hương

- Đi bộ ngao du

- Bàn luận về phép học

1. Biết viết đoạn văn nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về nội dung, ý nghĩa, nhân vật trong các tác phẩm trên.

**II.PHẦN TIẾNG VIỆT.**

1. Nắm vững đặc điểm về hình thức và chức năng của các kiểu câu: *câu cầu khiến, câu trần thuật.*
2. Nắm được tác dụng: *Lựa chọn trật tự từ trong câu*.
3. Ôn lại *các dạng bài tập đã học trong sgk* của các bài trên.

**III. PHẦN TẬP LÀM VĂN.**

 1. Nắm vững cách làm bài văn nghị luận kết hợp với miêu tả, tự sự và biểu cảm

 2. Các đề văn nghị luận cụ thể:

- Nghị luận về vấn đề xã hội*:Tệ nạn học đường(nghiện thuốc lá,nghiện mạng xã hội face book)*

- Nghị luận về *văn hóa đọc sách của học sinh hiện nay.*

**HẾT**

**D. NGỮ VĂN LỚP 9**

**I. PHẦN VĂN BẢN**

 Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm, thuộc thơ, nắm được cốt truyện, những nét nội dung, nghệ thuật đặc sắc của các tác phẩm sau:

1. Sang thu (Hữu Thỉnh)
2. Nói với con (Y Phương)
3. Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)

**II. PHẦN TIẾNG VIỆT**

 Nắm được khái niệm, công dụng và vận dụng vào làm bài tập trong các nội dung sau:

1. Các thành phần biệt lập
2. Nghĩa tường minh và hàm ý

**III. PHẦN TẬP LÀM VĂN**

 Vận dụng kĩ năng viết văn nghị luận xã hội, nghị luận văn học(về các vấn đề liên quan đến các tác phẩm trong phần văn bản) để viết bài văn nghị luận.

1. Nghị luận về một đoạn thơ.
2. Nghị luận về nhân vật văn học.
3. Nghị luận xã hội: Tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến chống dịch Covid 19.

**HẾT**